



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ THẢO NGUYÊN XANH**

Website: <http://lapduan.com.vn>
Hotline: 08.39118552 – 0918755356

**BỔ SUNG
THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU TP.CẦN THƠ
(QUY MÔ 500 GIƯỜNG)**

<http://lapduan.com.vn> – 08.39118552

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BỔ SUNG
THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU TP.CẦN THƠ
(QUY MÔ 500 GIƯỜNG)

ĐƠN VỊ LẬP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ
THẢO NGUYÊN XANH

NGUYỄN VĂN MAI

<http://lapduan.com.vn> – 08.39118552

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN.....	1
I.1. Mô tả dự án.....	1
I.2. Căn cứ pháp lý.....	1
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	3
II.1. Kế hoạch xây dựng theo chỉ tiêu biên chế 500 giường.....	3
II.2. Tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn.....	3
II.3. Số biên chế hiện có và nhu cầu biên chế.....	3
II.4. Tổ chức nhân sự.....	4
II.4.1. Các phòng chức năng.....	4
II.4.2. Đội ngũ chuyên môn.....	7
II.5. Nhu cầu đào tạo thêm nhân sự cho bệnh viện 500 giường.....	8
CHƯƠNG III: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN.....	9
III.1. Cơ sở pháp lý lập tổng mức đầu tư.....	9
III.2. Tổng mức vốn đầu tư ban đầu.....	9
III.2.1 Nội dung.....	9
III.2.2. Kết quả tổng mức đầu tư của dự án.....	14
CHƯƠNG IV: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN.....	17
IV.1. Phân bổ nguồn vốn cho tổng mức đầu tư.....	17
IV.2. Tiến độ thực hiện và kế hoạch sử dụng vốn.....	17
IV.3. Cơ cấu nguồn vốn.....	18
IV.4. Quỹ Phát triển Sự nghiệp và Quỹ Đào tạo.....	18

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

I.1. Mô tả dự án

1. Tên dự án : Bệnh viện Ung Bướu TP.Cần Thơ (Quy mô 500 giường)
2. Nhóm ngành dự án : Nhóm A
3. Chủ đầu tư :
- a. Địa chỉ liên lạc :
- b. Số điện thoại/Fax :
4. Thời gian thực hiện dự án : thực hiện 5 năm kể từ năm 2012. Trong 2012 chủ yếu thực hiện các công việc tư vấn.
5. Địa điểm thực hiện dự án :
6. Diện tích sàn xây dựng : 45,841m²
7. Diện tích khu đất xây dựng : 400,000m²
8. Diện tích giường bệnh : 80 – 90 m²/giường
9. Quy mô bệnh viện : 500 giường
10. Tổng vốn dự kiến của dự án : Dưới 65 triệu Euro
Trong đó:
 - Vốn ODA: 57 triệu Euro
 - Vốn đối ứng: Vốn địa phương, tương đương với..... Euro
11. Hình thức cung cấp ODA : ODA không hoàn lại

I.2. Căn cứ pháp lý

- ✓ Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- ✓ Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 của Chính Phủ về đăng ký kinh doanh, Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Doanh nghiệp;
- ✓ Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/2/2003;
- ✓ Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.
- ✓ Nghị định 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân;
- ✓ Thông tư số 01/2004/TT-BYT ngày 06/01/2004 của Bộ Trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, được tư nhân;
- ✓ Thông tư số 18/2000/TT-BTC ngày 01/3/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;
- ✓ Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20/2/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và túi y tế thôn bản;

<http://lapduan.com.vn> – 08.39118552

- ✓ Nghị định 87/CP ngày 05/08/1997 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;
- ✓ Nghị định 17/2001/NĐ-CP ngày 04/05/2001 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;
- ✓ Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA;
- ✓ Thông tư 04/2007/TT-BKH hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của chính phủ);
- ✓ Thông tư 03/2007/TT-BKH hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của ban quản lý các chương trình, dự án ODA của bộ kế hoạch và đầu tư;
- ✓ Thông tư 108/2007/TT-BKH của bộ tài chính hướng dẫn quản lý tài chính trong nước vốn ODA;
- ✓ Thông tư 01/2008/TT-BNG của bộ ngoại giao hướng dẫn việc ký kết các điều ước quốc tế về ODA;
- ✓ Quyết định 290/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Định hướng thu hút và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức thời kỳ 2006 - 2010"

<http://lapduan.com.vn> – 08.39118552

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC NHÂN SỰ

II.1. Kế hoạch xây dựng theo chỉ tiêu biên chế 500 giường

Bệnh viện Ung Bướu TP. Cần Thơ là cơ sở khám, chữa bệnh chuyên khoa Ung Bướu, Bệnh viện xây dựng hệ số là 1.4 người/ giường bệnh.

II.2. Tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn

Nhu cầu sử dụng biên chế đối với Bệnh viện 500 giường: 500 giường x hệ số 1.40= 700 người (700/500 giường). Tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn như sau:

STT	Cơ cấu	Tỷ lệ	Biên chế
A	Cơ cấu bộ phận:	100%	700
1	Lâm sàng	64%	448
2	Cận lâm sàng và Dược	18%	126
3	Quản lý, hành chính	18%	126
B	Cơ cấu chuyên môn:		
1	Bác sĩ/ chức danh chuyên môn y tế khác (Điều dưỡng, kỹ thuật viên)	1/3	133/399
2	DS Đại học/ bác sĩ	1/9.5	14/133
3	DS Đại học/ Dược sĩ trung học	1/2	14/28

II.3. Số biên chế hiện có và nhu cầu biên chế

Số biên chế hiện có và nhu cầu biên chế cần tuyển dụng viên chức theo kế hoạch 500 giường (500 giường/ 700 biên chế (BC)) như sau:

TT	Cơ cấu	Biên chế hiện có năm 2012	Nhu cầu cần tuyển dụng BC theo kế hoạch 500 giường	Tỷ lệ theo Thông tư 08/2007	BC hiện có + BC cần tuyển dụng 500 giường
A	Cơ cấu bộ phận:	150	550	100%	700
1	Lâm sàng	97	351	64 %	448
2	Cận lâm sàng và Dược	29	97	18 %	126
3	Quản lý, hành chính	24	102	18 %	126
B	Cơ cấu chuyên môn:				
1	Bác sĩ/ chức danh chuyên môn y tế khác(Điều dưỡng, kỹ thuật viên)	31 Bác sĩ 80 (ĐD, KTV)	102 Bác sĩ 319 (ĐD, KTV)	1/3	133/399
2	DS Đại học/ Bác sĩ	3 DSĐH 31 Bác sĩ	11 DSĐH 101 Bác sĩ	1/8	14/133
3	DS Đại học/ Dược sĩ	3 DSĐH	11 DSĐH	1/2	14/28

	trung học	9 DSTH	19 DSTH		
--	-----------	--------	---------	--	--

II.4. Tổ chức nhân sự

II.4.1. Các phòng chức năng

Gồm: Phòng kế hoạch tổng hợp, Hành chính quản trị, TCCB, Vật tư y tế, Tài chính kế toán, Điều dưỡng...

❖ Phòng kế hoạch tổng hợp

Phòng nghiệp vụ được sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về:

- Kế hoạch hoạt động của các Phòng, Khoa.
- Đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện quy chế Bệnh viện.
- Tổ chức chỉ đạo công tác nghiệp vụ chuyên môn Bệnh viện.

Chức năng – Nhiệm vụ

- Căn cứ vào nhiệm vụ Bệnh viện, hướng dẫn các Phòng/Khoa lập kế hoạch thực hiện các hoạt động của Bệnh viện.

- Tổ chức, theo dõi, đôn đốc, đánh giá hiệu quả việc thực hiện kế hoạch, quy chế bệnh viện, quy trình chuyên môn để báo cáo Giám đốc xem xét, chỉ đạo.

- Tổ chức công tác thường trực toàn viện, tổ chức giao ban hàng ngày toàn viện

- Quản lý chất lượng chuyên môn, tổng kết đánh giá công tác chuyên môn.

- Tổ chức việc phối hợp công tác giữa các Phòng/Khoa trong bệnh viện, giữa bệnh viện với các cơ quan có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám bệnh chữa bệnh của Bệnh viện.

- Đảm bảo việc lưu trữ, thống kê, khai thác hồ sơ bệnh án theo quy định.

- Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các bệnh viện khác.

- Phối hợp với phòng Khoa học – Đào tạo tổ chức đào tạo về chuyên môn cho các thành viên trong bệnh viện và các bệnh viện khác.

- Tổ chức thực hiện hợp tác Quốc tế về chuyên môn theo kế hoạch của bệnh viện và quy định của nhà nước.

- Định hướng phát triển các chuyên khoa, xây dựng quy hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật của Bệnh viện để trình Giám đốc xét duyệt và báo cáo lên cấp trên.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết công tác điều trị, báo cáo Giám đốc và cơ quan cấp trên.

- Chuẩn bị các phương tiện phòng chống thiên tai, thảm họa và các trường hợp bất thường khác để trình Giám đốc và tổ chức thực hiện.

❖ Phòng Hành chính quản trị

Phòng HCQT chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác tổ chức Cán bộ phát triển theo mục tiêu của Bệnh viện.

Chức năng - Nhiệm vụ

- Căn cứ vào nhiệm vụ chung của bệnh viện, lập kế hoạch tổ chức bộ máy, thi tuyển, đào tạo, sắp xếp nhân lực và tổ chức thực hiện.

- Thực hiện công tác tổ chức cán bộ, quản lý hồ sơ lý lịch theo phương pháp khoa học, làm thống kê báo cáo theo quy định.
- Xây dựng lề lối làm việc và quan hệ công tác giữa các Phòng, Khoa.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương để phối hợp công tác trong công việc có liên quan.
- Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước, của ngành Y tế đối với Cán bộ – Viên chức và người bệnh trong Bệnh viện.
- Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, các đợt học tập thời sự, chính trị, chính sách, văn hóa, ngoại ngữ để nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ.
- nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của Cán bộ – Viên chức để đề xuất với Giám đốc xem xét, giải quyết.
- Phối hợp với các Trưởng Phòng, Trưởng Khoa để xem xét đáp ứng yêu cầu nhân sự của các Phòng, Khoa.
- Quản lý công tác tuyển dụng như: tuyển chọn, định hướng, đào tạo, phát triển và duy trì nhân sự theo mục tiêu của Bệnh viện.
- Quản lý và duy trì công tác chính sách về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm tai nạn, khen thưởng và kỷ luật.
- Quan tâm và nắm bắt tình hình của nhân viên bằng chương trình huấn luyện về quản lý cho các cấp quản lý và nhân viên, phát huy năng lực nhân viên trong môi trường công việc và văn hóa của Bệnh viện.
- Khảo sát nhân viên, nghiên cứu kế hoạch phát triển và xem xét các chính sách nhân sự.
- Hướng dẫn và hỗ trợ nhân viên làm việc tích cực.
- Lựa chọn nguồn huấn luyện và cải tiến chương trình đào tạo.
- Tuyển dụng và định hướng: dựa vào vai trò và quy trình tuyển dụng. Xây dựng những ứng viên tốt. Tuyển dụng theo quy trình như: đơn xin việc, phỏng vấn, sơ tuyển, kiểm tra sức khỏe, mở dữ liệu nhân sự. Tiếp nhận nhân viên mới theo quy trình.
- Xây dựng tốt mối quan hệ của Cán bộ – Viên chức trong Bệnh viện như: thăm hỏi nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt và tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi.
- Hoạt động của Phòng HCQT tuân theo hệ thống quản lý của Bệnh viện và trong phạm vi trách nhiệm của Phòng.

❖ **Phòng tài chính kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán là đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc toàn bộ các hoạt động về tài chính của Bệnh viện.

Chức năng - Nhiệm vụ

- Ghi chép và hạch toán đúng, đầy đủ tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, phù hợp với quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán và quy định thu chi của Bệnh viện.
- Lập và nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính đúng và kịp thời cho các cơ quan thẩm quyền.

- Tham mưu cho BGD trong công tác quản lý tài chính Bệnh viện, xây dựng và kiện toàn bộ máy kế toán.
- Soạn thảo ban hành các quy chế quản lý tài chính, chi phí, quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của pháp luật và đặc điểm hoạt động của Bệnh viện.
- Tổ chức, giám sát thực hiện các nghiệp vụ hạch toán kế toán.
- Quản lý, giám sát việc sử dụng tài sản, vốn và chi phí toàn Bệnh viện.
- Lập kế hoạch hoạt động định kỳ, tham gia thẩm định hiệu quả các đề án đầu tư, giám sát việc thực hiện kế hoạch tài chính.
- Quản lý, điều hành cán bộ viên chức trong phòng, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của phòng.
- Phối hợp và thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

Định hướng phát triển

- Quán triệt các chủ trương chỉ đạo của Ban Giám đốc về định hướng phát triển trong tương lai.
- Không ngừng nâng cao tinh thần phục vụ đối với bệnh nhân và mọi người.
- Tạo điều kiện cho mỗi nhân viên có cơ hội học tập, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.
- Tuyển dụng và đào tạo nhân viên, bố trí các nhân viên mới làm việc tại khu vực phù hợp.

❖ Phòng Điều dưỡng

Phòng Điều dưỡng là đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc về việc tổ chức, điều hành và giám sát công tác chăm sóc người bệnh toàn diện.

Chức năng – Nhiệm vụ

- Quản lý chất lượng chuyên môn cho Điều dưỡng, Kỹ thuật viên trong chăm sóc người bệnh.
- Cập nhật và nâng cao trình độ cho Điều dưỡng.
- Kiểm tra về kỹ năng thực hành và kiến thức chuyên môn của Điều dưỡng, Kỹ thuật viên hàng năm.
- Quản lý công tác kiểm soát nhiễm khuẩn của bệnh viện.
- Xây dựng chiến lược phát triển điều dưỡng.
- Thiết lập và ứng dụng các tiêu chí đánh giá.
- Quy trình hóa trong chuyên môn.
- Nâng cao kỹ năng và cải tiến kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Đào tạo – Nghiên cứu khoa học

- Tổ chức các chương trình tập huấn, kiểm tra Điều dưỡng hàng năm.
- Tổ chức các chương trình tập huấn Điều dưỡng mới.
- Hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên thực tập.
- Tổ chức chương trình bồi dưỡng chuyên môn đã tổ chức

- Đào tạo Điều dưỡng Cơ sở
- Đào tạo và cử đi học về Quản lý Điều dưỡng

Định hướng phát triển

1. Xây dựng quy trình Điều dưỡng.
 2. Xây dựng các chiến lược phát triển về kỹ năng giao tiếp, chuyên môn.
- Xây dựng mô hình đào tạo Trường – Viện: Điều dưỡng là giảng viên lâm sàng.
 - Là trung tâm đào tạo Điều dưỡng các chuyên khoa.
 - Thống nhất quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
 - Điều dưỡng độc lập trong chăm sóc người bệnh.
 - Sử dụng bệnh án điện tử thành thạo.
 - Thành lập đội ngũ Điều dưỡng chọn lọc và phân loại người bệnh ngay tuyển đầu.
 - Thành lập đội ngũ giảng dạy cấp cứu ban đầu.
 - 80% Điều dưỡng có khả năng giao tiếp với người nước ngoài.

II.4.2. Đội ngũ chuyên môn

Đội ngũ nhân lực chuyên môn của bệnh viện với các Phó giáo sư, Tiến sỹ, Bác sỹ chuyên khoa 2, Bác sỹ chuyên khoa 1, Thạc sỹ y học, Bác sỹ nội trú, Kỹ sư vật lý hạt nhân, Cử nhân kỹ thuật y học, Cử nhân điều dưỡng và các chức danh chuyên môn khác, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ung bướu chất lượng cao. Các nhân viên chuyên môn được tuyển dụng với yêu cầu cao về khả năng chuyên môn, khát khao khoa học, phẩm chất đạo đức và tấm lòng yêu thương bệnh nhân, sẵn sàng cho mục tiêu khám chữa bệnh từ thiện của bệnh viện. Các nhân viên chuyên môn đều được đào tạo chuyên sâu từ 1- 3 năm tại các trung tâm y học lớn như Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học Y Hà Nội, Trường đại học Y Dược Huế, Trường đại học Y dược Cần Thơ, Bệnh viện ung bướu thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện K Hà Nội, Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Huyết học thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện trung ương Huế... Một số được gửi đi đào tạo tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ gồm các khoa sau:

❖ **Các khoa lâm sàng**

Gồm: Nội, ngoại, xạ, hồi sức cấp cứu, khoa khám...

❖ **Các khoa cận lâm sàng**

Gồm: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, giải phẫu bệnh, thăm dò chức năng...

II.5. Nhu cầu đào tạo thêm nhân sự cho bệnh viện 500 giường

Chi phí nhân công hằng năm ước tính trung bình khoảng 1,673,500 USD. Chi phí lương dự kiến như bảng sau:

STT	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN/NGƯỜI (USD)	SỐ TIỀN DỰ KIẾN/NĂM (USD)
1	Tiến sĩ	3	54,600	163,800
2	Thạc sỹ	12	41,600	499,200
3	Ck II	10	26,000	260,000
4	CK I	15	23,400	351,000
5	Cử nhân điều dưỡng	15	6,500	97,500
6	Đào tạo khác	4	79,000	158,000
	+ thạc sỹ công nghệ sinh học	2	40,000	80,000
	+thạc sỹ vật lý phóng xạ	2	39,000	78,000
7	Đào tạo ở nước ngoài			144,000
	Xạ trị và chẩn đoán hình ảnh.			
	+ bác sỹ xạ	2	20,000	40,000
	+ kỹ sư vật lý	2	20,000	40,000
	+ kỹ thuật viên xạ	2	12,000	24,000
	+ bác sỹ chẩn đoán hình ảnh	2	20,000	40,000
	Tổng			1,673,500

CHƯƠNG III: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

III.1. Cơ sở pháp lý lập tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư cho Dự án được lập dựa trên các phương án thiết kế cơ sở của dự án và các căn cứ sau đây :

- ✓ Luật Xây dựng số 38/2008/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng;
- ✓ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/05/2007 của Bộ Xây dựng về việc “Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình”;
- ✓ Thông tư 18/2008/TT-BXD bổ sung một số phương pháp xác định chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng công trình tại Thông tư 05/2007/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành.
- ✓ Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP;
- ✓ Thông tư 130/2008/TT-BTT ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.
- ✓ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/2/2007. Hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- ✓ Thông tư 33/2007/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 09 tháng 04 năm 2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- ✓ Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- ✓ Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng;
- ✓ Các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán công trình.

III.2. Tổng mức vốn đầu tư ban đầu

III.2.1 Nội dung

Mục đích của tổng mức đầu tư là tính toán toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án làm cơ sở để lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư.

Tổng chi phí đầu tư bao gồm chi phí xây lắp công trình, chi phí mua sắm máy móc thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, các khoản phí dự phòng và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Tổng các khoản chi phí này sẽ là tổng mức vốn đầu tư ban đầu.

(1) Chi phí xây lắp

❖ Các hạng mục xây dựng của dự án bao gồm :

ĐVT: EUR

Stt	Vị trí xây dựng	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá sau thuế		Thành tiền
				VND	EUR	EUR
I	Tổng diện tích xây dựng công trình chính					15,078,544
1	Cọc BTCT + Móng (30% giá trị công trình)					3,473,549
2	Thân nhà tầng hầm (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	5,862	8,000,000	291	1,705,842
3	Thân nhà tầng 1 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	7,008	4,500,000	164	1,149,312
4	Thân nhà tầng 2 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	7,286	4,500,000	164	1,194,904
5	Thân nhà tầng 3 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	7,116	4,500,000	164	1,167,024
6	Thân nhà tầng 4 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
7	Thân nhà tầng 5 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
8	Thân nhà tầng 6 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
9	Thân nhà tầng 7 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
10	Thân nhà tầng 8 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
11	Thân nhà tầng 9 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
12	Thân nhà tầng 10 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	4,500,000	164	370,476
13	Hoàn thiện công trình	m ²	43,085	2,000,000	73	3,145,205
14	Mái tầng 3 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	4,877	2,500,000	91	443,807
15	Mái tầng 11 (tầng sân thượng) (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,259	2,500,000	91	205,569
II	Khu xạ trị					2,171,010
1	Thân nhà tầng 1 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	2,289	15,000,000	545	1,247,505
2	Thân nhà tầng 2 (BTCT, xây tô, chống thấm)	m ²	467	8,000,000	291	135,897
3	Mái bê tông cốt thép	m ²	467	5,000,000	182	84,994
4	Hoàn thiện công trình	m ²	3,223	6,000,000	218	702,614
II	Tổng diện tích xây dựng công trình phụ				0	403,940
1	Khu kỹ thuật, kho, xưởng phụ trợ	m ²	120	2,000,000	73	8,760
2	Bãi xe khách có mái che	m ²	700	2,000,000	73	51,100
3	Nhà xe cứu thương có mái che	m ²	290	2,000,000	73	21,170
4	Trạm bơm và bể dự trữ nước sạch	m ²	200	3,500,000	127	25,400
5	Khu xử lý rác thải và xử lý nước thải	m ²	120	5,000,000	182	21,840
6	Trạm biến áp	m ²	60	2,000,000	73	4,380
7	Nhà bảo vệ	m ²	60	6,000,000	218	13,080
8	Quảng trường chính	m ²	1,200	1,000,000	36	43,200
9	Khu vực tâm linh	m ²	220	1,500,000	55	12,100
10	Khu thể dục thể thao (sân cầu lông)	m ²	1,170	2,000,000	73	85,410
11	Bãi xe khách không có mái che	m ²	1,500	1,300,000	47	70,500
12	Bãi xe thân nhân cấp cứu khu xạ trị	m ²	1,000	1,300,000	47	47,000

III	San lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông nội bộ, cây xanh và công tường rào					696,039
1	Công viên và cây xanh	m2	18,653	350,000	13	242,489
2	San lấp mặt bằng (đắp đất nền hoàn thiện công trình)	m ³	10,000	100,000	4	40,000
3	Xây dựng đường giao thông nội bộ và vỉa hè	m2	5,410	1,500,000	55	297,550
4	Xây dựng công và tường rào	md	800	4,000,000	145	116,000
Tổng chi phí						18,350,000

❖ Các hạng mục kỹ thuật lắp đặt trong dự án bao gồm:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế		Thành tiền (EUR)
				VND	EUR	
1	Hệ thống điện chiếu sáng (trung thế và hạ thế)	Hệ thống	1	19,000,000,000	690,909	690,909
2	Hệ thống Busway (Thanh đồng dẫn điện theo trục đứng chính công trình)	Hệ thống	1	5,000,000,000	181,818	181,818
3	Cung cấp hệ thống điện năng lượng mặt trời chiếu sáng công cộng và nước nóng năng lượng.	Hệ thống	1	7,500,000,000	272,727	272,727
4	Hệ thống lưu điện dự trữ (UPS)	Hệ thống	1	3,600,000,000	130,909	130,909
5	Hệ thống cấp, thoát nước	Hệ thống	1	7,000,000,000	254,545	254,545
6	Cung cấp tiết bị hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	7,000,000,000	254,545	254,545
7	Cung cấp thiết bị hệ thống Lò đốt chất thải rắn	lò	1	5,000,000,000	181,818	181,818
8	Thang máy tải băng ca 11 điểm dừng, trọng tải 1350kg	Buồng	3	1,100,000,000	40,000	120,000
9	Thang máy tải băng ca 4 điểm dừng, trọng tải 1350kg	Buồng	1	800,000,000	29,091	29,091
10	Thang máy tải khách và thân nhân 11 điểm dừng, trọng tải 1000kg	Buồng	3	960,000,000	34,909	104,727
11	Thang máy tải hàng, thức ăn 11 điểm dừng, trọng tải 150kg	Buồng	2	520,000,000	18,909	37,818
12	Hệ thống công nghệ thông tin (Switch, Computer, Server, HIS, PACS, LAN)	Hệ thống	1	10,000,000,000	363,636	363,636
13	Hệ thống Camera (quan sát và phục vụ hội chuẩn, giảng dạy) & hệ thống truyền hình	Hệ thống	1	1,100,000,000	40,000	40,000
14	Hệ thống thông tin liên lạc và âm thanh công cộng.	Hệ thống	1	4,000,000,000	145,455	145,455
15	Hệ thống tổng đài điện thoại	Hệ thống	1	1,440,000,000	52,364	52,364

16	Hệ thống gọi y tá (điều dưỡng).	Hệ thống	1	2,500,000,000	90,909	90,909
17	Hệ thống nhà bếp và canteen	Hệ thống	1	4,200,000,000	152,727	152,727
18	Hệ thống PCCC & báo cháy tự động	Hệ thống	1	9,000,000,000	327,273	327,273
19	Hệ thống chống sét	Hệ thống	1	400,000,000	14,545	14,545
20	Màn che, móc treo dịch truyền, tay vịn và chống va đập	Hệ thống	1	8,000,000,000	290,909	290,909
21	Hệ thống Quản lý toà nhà (BMS)	Hệ thống	1	4,000,000,000	145,455	145,455
22	Phần mềm Quản lý Bệnh viện	Hệ thống	1	6,000,000,000	218,182	218,182
23	Hệ thống Cung cấp khí sạch cho phòng mổ	Hệ thống	1	3,200,000,000	116,364	116,364
24	Hệ thống phòng sạch (phòng mổ)	Hệ thống	1	20,000,000,000	727,273	727,273
25	Cung cấp khí y tế (Oxygen, Vacuum, Compressed Air, Nitro, Carbon Dioxide, N2O...) bao gồm cả hệ thống nội tường	Hệ thống	1	20,000,000,000	727,273	727,273
26	Điều hòa không khí và thông gió	Hệ thống	1	37,000,000,000	1,345,455	1,345,455
27	Trạm & máy biến áp 2500KVA	Máy	1	1,500,000,000	54,545	54,545
28	Máy phát điện dự phòng 1250KVA	Máy	1	3,420,000,000	124,364	124,364
29	Máy bơm nước PCCC bằng dầu (dự phòng)	Máy	5	64,000,000	2,327	11,635
30	Máy bơm nước sinh hoạt dự phòng	Máy	4	40,000,000	1,455	5,820
Tổng chi phí thiết bị kỹ thuật						7,213,091

(2) Chi phí đầu tư trang thiết bị máy móc chuyên dùng

Các chi phí này đã bao gồm chi phí mua sắm thiết bị; chi phí vận chuyển, thuê và các loại phí có liên quan.

DVT: EUR

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Giá trị trước thuế	
			VND	EUR
1	Chi phí thiết bị y tế chuyên dùng	Gtbyt	757,782,132,300	27,555,714
2	Chi phí thiết bị không chuyên dùng (bàn ghế, kệ tủ, thiết bị đồ gỗ, bảng hiệu hướng dẫn...)	Gtbkc	11,433,687,500	415,770
Tổng chi phí thiết bị chuyên dùng			769,215,819,800	27,971,484

(3) Chi phí quản lý dự án:

▪ Chi phí quản lý dự án tính theo Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

▪ Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao công trình vào khai thác sử dụng, bao gồm:

- Chi phí tổ chức lập dự án đầu tư.
- Chi phí tổ chức thẩm định dự án đầu tư, tổng mức đầu tư; chi phí tổ chức thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
- Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- Chi phí tổ chức quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ và quản lý chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường của công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Chi phí khởi công, khánh thành;
- ➔ Chi phí quản lý dự án = $(GXL+GTB)*0.993\% = 480,801 \text{ EUR}$
GXL: Chi phí xây lắp
GTB: Chi phí thiết bị, máy móc

(4) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: bao gồm các khoản chi phí :

- Chi phí khảo sát địa hình, địa chất
- Chi phí lập dự án
- Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Chi phí thiết kế bản vẽ kỹ thuật của công trình dân dụng có yêu cầu thiết kế 3 bước
- Chi phí thiết kế bản vẽ thi công
- Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư"
- Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước"
- Chi phí thẩm tra thiết kế thi công đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước"
- Chi phí thẩm tra dự toán công trình
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp vật tư thiết bị
- Chi phí giám sát thi công xây dựng
- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị
- Chi phí kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình"
- Chi phí thử tĩnh cọc
- Chi phí khác
- Chi phí quan trắc biến dạng công trình
- Lệ phí thẩm định dự án
- Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế (công trình thuộc nhóm V)
- Lệ phí thẩm định tổng dự toán (công trình thuộc nhóm V)
- Chi phí kiểm toán vốn đầu tư

- Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán
- Chi phí bảo hiểm công trình (công trình cao 11 tầng)
- ➔ Tổng các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 765,634 EUR

(5) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí cần thiết không thuộc chi phí xây dựng; chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nói trên:

- Chi phí quan trắc biến dạng công trình
- Lệ phí thẩm định dự án
- Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế (công trình thuộc nhóm V)
- Lệ phí thẩm định tổng dự toán (công trình thuộc nhóm V)
- Chi phí kiểm toán vốn đầu tư
- Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán
- Chi phí bảo hiểm công trình (công trình cao 11 tầng)
- ➔ Tổng các khoản chi phí khác là 58,781 EUR

(6) Chi phí dự phòng = (Gxl+ Gtb+Gql+Gtv+Gk+Gdp) x 10% = 5,237,310 EUR

III.2.2. Kết quả tổng mức đầu tư của dự án

Bảng tổng hợp định mức vốn đầu tư của dự án

Stt	Khoản mục chi phí	Diễn giải cách tính	Kinh phí tạm tính (EUR)		
			Giá trị trước thuế	Thuế VAT (10%)	Giá trị sau thuế
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
A	Chi phí xây lắp	Gxl	23,894,909	2,389,491	26,284,400
1	Chi phí xây dựng	Gxd	16,681,818	1,668,182	18,350,000
2	Chi phí thiết bị kỹ thuật xây lắp	Gtbkt	7,213,091	721,309	7,934,400
B	Chi phí thiết bị	Gtb	27,971,484	2,797,148	30,768,632
1	Chi phí thiết bị y tế chuyên dùng	Gtbyt	27,555,714	2,755,571	30,311,285
2	Chi phí thiết bị không chuyên dùng (bàn ghế, kệ tủ, thiết bị đồ gỗ, bảng hiệu hướng dẫn...)	Gtbkc	415,770	41,577	457,347
C	Chi phí quản lý dự án	Gql= 0.993%*(Gxl+Gtb)	480,801	48,080	528,881
D	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		765,634	76,565	842,199
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	dự toán	10,909	1,091	12,000
2	Chi phí lập dự án	(Gxl+Gtb)*0.1605%	79,306	7,931	87,237

4	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	dự toán	12,727	1,273	14,000
5	Chi phí thiết kế bản vẽ kỹ thuật của công trình dân dụng có yêu cầu thiết kế 3 bước	$Gx1*1.01\%$	231,703	23,170	254,873
6	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	55% chi phí thiết kế kỹ thuật	127,437	12,744	140,181
7	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư	$(Gx1+Gtb)*0,019\%$	9,848	985	10,833
8	Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước	$Gx1*0,0489\%$	10,738	1,074	11,812
9	Chi phí thẩm tra thiết kế thi công đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước	40%Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật	4,295	430	4,725
10	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	$Gx1*0,038\%$	2,386	239	2,625
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	$Gx1*0,029\%$	6,681	668	7,349
12	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp vật tư thiết bị	$Gtb*0,044\%$	11,468	1,147	12,615
13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$Gx1*0.644\%$	149,378	14,938	164,316
14	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	$Gtb*0,142\%$	38,601	3,860	42,461
15	Chi phí kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình	35% chi phí giám sát thi công xây dựng và thiết bị	65,793	6,579	72,372
16	Chi phí thử tĩnh cọc	dự toán	4,364	436	4,800
E	Chi phí khác		58,781	5,879	64,660
1	Chi phí quan trắc biến dạng công trình	dự toán	12,727	1,273	14,000
2	Lệ phí thẩm định dự án	$Gx1*0,005\%$	1,193	119	1,312
3	Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thiết kế (công trình thuộc nhóm V)	$Gx1*0,010\%$	2,386	239	2,625
4	Lệ phí thẩm định tổng dự toán (công trình thuộc nhóm V)	$Gx1*0,007\%$	1,670	167	1,837
5	Chi phí kiểm toán vốn đầu tư	$Gx1*0,040\%$	9,545	955	10,500
6	Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán	$Gx1*0,051\%$	12,170	1,217	13,387

7	Chi phí bảo hiểm công trình (công trình cao 11 tầng)	$GxI*0,08\%$	19,090	1,909	20,999
F	Dự phòng phí	$10%*(GxI+Gtb+Gql+Gtv+Gk)$	5,237,310	523,731	5,761,041
	Tổng:	H=A+B+C+D+E+F+G	58,408,919	5,840,894	64,249,813

Thảo Nguyễn Xanh Quận 1

<http://lapduan.com.vn> – 08.39118552

CHƯƠNG IV: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

IV.1. Phân bổ nguồn vốn cho tổng mức đầu tư

ĐVT: EUR

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế
1	Chi phí xây dựng	23,894,909	2,389,491	26,284,400
2	Chi phí thiết bị	27,971,484	2,797,148	30,768,632
4	Chi phí quản lý dự án	480,801	48,080	528,881
3	Chi phí tư vấn đầu tư	765,634	76,563	842,197
5	Chi phí khác	58,781	5,878	64,659
6	Dự phòng phí	5,237,310	523,731	5,761,041
	TỔNG CỘNG	58,408,919	5,840,891	64,249,810

IV.2. Tiến độ thực hiện và kế hoạch sử dụng vốn

Tiến độ thực hiện và triển khai của dự án gồm các bước như sau:

- ✓ Hoàn thành các thủ tục và giải ngân nguồn vốn
- ✓ Khởi công và xây dựng công trình
- ✓ Lắp đặt thiết bị vận hành thử
- ✓ Đi vào hoạt động chính thức

Bảng tiến độ dự kiến triển khai dự án

STT	Giai đoạn	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Chuẩn bị đầu tư					
2	Xây dựng và lắp đặt công trình					
3	Lắp đặt máy móc thiết bị chuyên dùng					
4	Hoàn chỉnh					

Theo đó, tiến độ sử dụng vốn được thực hiện như sau :

STT	Hạng mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tổng cộng
1	Chi phí xây dựng		8,761,467	8,761,467	8,761,467		26,284,401
2	Chi phí thiết bị				7,692,158	23,076,474	30,768,632
3	Chi phí tư vấn đầu tư	842,197					842,197
4	Chi phí quản lý dự án		132,220	132,220	132,220	132,220	528,880
5	Chi phí khác	32,330				32,330	64,660
6	Dự phòng phí	1,152,208	1,152,208	1,152,208	1,152,208	1,152,208	5,761,040
	Tổng cộng	2,026,735	10,045,895	10,045,895	17,738,053	24,393,232	64,249,810

IV.3. Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn của dự án bao gồm: Vốn tài trợ OAD là 57,000,000 EUR, Vốn đối ứng trích từ ngân sách địa phương là 7,249,813 EUR.

Bảng cơ cấu nguồn vốn

Năm	Thành tiền	Chiếm tỷ lệ
Hạng mục		
Tổng mức vốn	64,249,813	
Vốn tài trợ ODA	57,000,000	89%
Vốn đối ứng	7,249,813	11%

IV.4. Quỹ Phát triển Sự nghiệp và Quỹ Đào tạo

Bên cạnh các nguồn vốn cần thiết cho đầu tư xây dựng bệnh viện, trong thời gian hoạt động nhằm giúp quản lý nguồn vốn và thu chi có hiệu quả, bệnh viện còn thành lập thêm Quỹ Phát triển Sự nghiệp và Quỹ Đào tạo của Bệnh viện Ung Bướu Cần Thơ. Quỹ này dùng cho việc mua sắm trang thiết bị và đào tạo nhân lực, chiếm 25% nguồn vốn hỗ trợ của thành phố Cần Thơ và các hoạt động khám chữa bệnh ngoài giờ của bệnh viện.

Năm	Nguồn kết dư cuối năm	Chi quỹ phát triển sự nghiệp và đào tạo
2009	960,000,000	240,000,000
2010	2,300,000,000	575,000,000
2011	3,184,000,000	796,000,000

Thông qua bảng số liệu nguồn kết dư trong ba năm hoạt động cho thấy tài chính của bệnh viện luôn ổn định và ngày càng mang lại hiệu quả, nhờ đó bệnh viện có thể đầu tư nâng cao và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như đào tạo nguồn nhân lực tốt nhất phục vụ cho địa phương.